

Bản án số: 07/2020/DS - PT

Ngày: 03 - 6 - 2020

V/v: “*Tranh chấp HĐTD*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuyển

Các thẩm phán: Ông Võ Bá Lưu và bà Từ Thị Hải Dương

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại phòng xét xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng do bản án số 09/2019TCDS –ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình có kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 520/2020/QĐ-PT ngày 24/4/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A

Địa chỉ: Số 02 LH, phường TC, quận B, thành phố N. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hoàng Đăng K1 - Phó giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng A - Chi nhánh huyện Q. Địa chỉ: Đường QT, phường B1, thị xã B1, tỉnh Quảng Bình.

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Văn M - Phó Giám đốc Ngân hàng A Chi nhánh huyện Q. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1982

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường QP, thị xã B1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn Văn T:*

1. Luật sư: Trần Đình L – Công ty Luật TNHH MS, địa chỉ: Số 78 đường P, thành phố H1, tỉnh H1. Có mặt;

2. Luật sư: Nguyễn Ngọc A1 – Công ty Luật TNHH MS, địa chỉ: Số 78 đường P, thành phố H1, tỉnh H1. Vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1987 -

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường QP, thị xã B1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2019, được bổ sung tại các bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng A và ông Nguyễn Văn T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 194211899/HĐTD ngày 28/01/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung tín dụng số 194211899/HĐTD/PL1 ngày 13/3/2017 để vay số tiền là 9.945.000.000 đồng. Thời hạn vay vốn là 11 năm kể từ ngày 28/01/2016; kỳ trả nợ: 20 kỳ, mỗi kỳ (6 tháng) phải trả gốc 497.250.000 đồng và lãi liên quan, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 28/01/2017, kỳ trả nợ cuối cùng vào 28/01/2027.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông T và vợ là bà Trần Thị H đã ký với Ngân hàng A Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 194211899/HĐTC ngày 27/01/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 194211899/HĐTC.01 ngày 13/3/2017, tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là Tàu đánh cá vỏ gỗ nghề lưới vây công suất 822 CV, số đăng ký: QB 98129 TS (Tàu cho vay theo Nghị định 67/2014/NĐ - CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 07/7/2014) theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá mang tên ông Nguyễn Văn T số 60149, số đăng ký: QB 98129 TS do Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Quảng Bình cấp ngày 20/7/2016.

Kỳ hạn trả nợ ngày 28/01/2019 ông T phải trả nợ gốc số tiền 497.250.000đ, nhưng chỉ mới trả được 267.214.600đ, số tiền gốc còn lại phải trả là 230.035.400đ và tiền lãi phát sinh trên số nợ phải trả, khách hàng cố tình chây ỳ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên số nợ vay đã chuyển thành nợ quá hạn kể từ ngày 29/01/2019.

Theo hợp đồng đã ký kết thì khi số nợ của ông Nguyễn Văn T chuyển thành nợ quá hạn thì Ngân hàng A được quyền tự động trích tiền từ tài khoản tiền gửi của bên B mở tại bên A và các Chi nhánh trong hệ thống của bên A, đề nghị các TCTD khác trích tài khoản tiền gửi chuyển cho bên A để thu hồi nợ đến hạn, quá hạn. Do đó, sau khi Ngân hàng gửi giấy báo nợ đến hạn cho khách hàng nhưng khách hàng không chịu thực hiện nên Ngân hàng A đã thực hiện việc thu nợ gốc từ tài khoản của ông T từ ngày 22/02/2019 – ngày 07/02/2019 với tổng số tiền: 511.448.542 đồng để trả nợ gốc và lãi. Như vậy, tính đến ngày 21/4/2020 ông Nguyễn Văn T còn nợ Ngân hàng AGRIBANK với tổng số tiền là 8.626.470.769 đồng (Trong đó nợ gốc là 7.774.586.858đ (gốc trong hạn: 6.961.500đ, gốc quá hạn 813.086.858đ). Số tiền gốc quá hạn này là số tiền quá hạn của kỳ trả nợ ngày 28/7/2019 còn lại 315.836.858 đồng và số tiền quá hạn ủa kỳ trả nợ ngày 28/01/2019: 497.250.000đ; tiền lãi 851.883.911đồng (lãi trong hạn 830.182.227đ; lãi quá hạn 21.701.683đ). Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền nợ nói trên và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thực tế trả hết nợ. Trường hợp ông Nguyễn Văn T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập ông T đến Tòa án để

giải quyết vụ án nhưng ông đều vắng mặt. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm ông T có mặt và trình bày không thừa nhận hiện còn nợ Ngân hàng Agribank số tiền 8.711.585.241 đồng (Trong đó nợ gốc là 8.086.055.200 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 27/11/2019 là 625.530.041 đồng) như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà cho rằng đã trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 450.000.000 đồng, hiện còn nợ gốc là 8.045.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Và ông còn cho rằng vợ chồng ông có số tiền 700.000.000 đồng (do Nhà nước hỗ trợ đóng tàu) Ngân hàng A đã trích từ tài khoản của ông để trừ nợ là không đúng pháp luật, ông đề nghị A tạo điều kiện để cho ông và vợ là bà Trần Thị H trả nợ dần theo định kỳ cho đến khi trả hết nợ. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H cùng có ý kiến như chồng là ông Nguyễn Văn T.

Tại bản án số 09/2019/TCDS –ST ngày 27/11/2019 của Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 116, 117, 299, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A: Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng A số tiền là 8.711.585.241 đồng (Trong đó nợ gốc là 8.086.055.200 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/11/2019 là 625.530.041 đồng).

Trường hợp ông Nguyễn Văn T không trả được nợ thì Ngân hàng A được quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử lý tài sản thế chấp là Tàu đánh cá vỏ gỗ nghề lưới vây công suất 822 CV, số đăng ký: QB 98129 TS (Tàu cho vay theo Nghị định 67/2014/NĐ - CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 07/7/2014) theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá mang tên ông Nguyễn Văn T số 60149, số đăng ký: QB 98129 TS do Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Quảng Bình cấp ngày 20/7/2016 để thu hồi nợ cho Ngân hàng A theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, tuyên việc thi hành án theo Luật thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 08/12/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do vụ án xét xử sơ thẩm không đúng với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Vì vậy đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà cũng như các đương sự đều thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, xử y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay nguyên đơn Ngân hàng A không rút đơn khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn T không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 27/11/2019, Toà án cấp sơ thẩm mở phiên toà xét xử vụ án, do không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên ngày 08/12/2019 ông Nguyễn Văn T làm đơn kháng cáo. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T làm trong hạn luật định, chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hợp đồng: Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như trình bày của ông Phạm Văn M – là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng A tại phiên toà phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 194211899/HĐTD ngày 28/01/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung tín dụng số 194211899/HĐTD/PL1 ngày 13/3/2017 tại Ngân hàng A Chi nhánh Q – Bắc Quảng Bình để vay số tiền là 9.945.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Đóng mới tàu cá vỏ gỗ công suất 822 theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP; lãi suất cho vay: 7%/năm, trong đó: Lãi suất chủ tàu (bên B) phải trả: 3%/năm, lãi suất được Ngân sách Nhà nước cấp bù: 4%/năm; thời hạn vay vốn là 11 năm kể từ ngày 28/01/2016; kỳ trả nợ: 20 kỳ, mỗi kỳ (6 tháng) phải trả gốc 497.250.000 đồng và lãi liên quan, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 28/01/2017, kỳ trả nợ cuối cùng vào 28/01/2027.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Trần Thị H đã ký với Ngân hàng A Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 194211899/HĐTC ngày 27/01/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 194211899/HĐTC.01 ngày 13/3/2017, tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là Tàu đánh cá vỏ gỗ nghề lưới vây công suất 822 CV, số đăng ký: QB 98129 TS (Tàu cho vay theo Nghị định 67/2014/NĐ - CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 07/7/2014) theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá mang tên ông Nguyễn Văn T số 60149, số đăng ký: QB 98129 TS do Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Quảng Bình cấp ngày 20/7/2016.

Phía bị đơn ông Nguyễn Văn T thừa nhận việc ông đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 194211899/HĐTD ngày 28/01/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung tín dụng số 194211899/HĐTD/PL1 ngày 13/3/2017 tại Ngân hàng AGRIBANK Chi nhánh huyện Quảng Trạch – Bắc Quảng Bình để vay vốn tại Ngân hàng để đóng tàu và số tiền vay ông đã được Ngân hàng giải ngân trong 04 lần với số tiền đã nhận là 9.945.000.000 đồng. Như vậy, về Hợp đồng và số tiền vay nguyên đơn và bị đơn đã trình bày thống nhất như án sơ thẩm đã nhận xét là có căn cứ.

[2.2.] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do việc xét xử sơ thẩm không đúng với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cũng như trình bày

của ông Nguyễn Văn T tại phiên về số tiền ông đã trả cho Ngân hàng và việc Ngân hàng tự động trích tiền từ tài khoản của ông Tuất để trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo các tài liệu phía nguyên đơn Ngân hàng A cung cấp có trong hồ sơ về sao kê chi tiết trả nợ cũng như trình bày của đại diện phía Ngân hàng thì quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn T đã được Ngân hàng A giải ngân 4 lần tiền vay từ ngày 29/01/2016 đến ngày 23/8/2016, với số tiền đã nhận là 9.945.000.000đ. Sau khi được giải ngân ông T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng như đã cam kết, tuy nhiên đến kỳ trả nợ ngày 28/01/2019 số tiền mà ông T phải trả là 497.250.000 đồng nợ gốc nhưng ông T chỉ trả 267.214.600 đồng, số tiền còn lại chưa trả theo kỳ là 230.035.400 đồng và tiền lãi. Ngân hàng đã thông báo nợ đến hạn, quá hạn cũng như trực tiếp đến nhà để đôn đốc nhưng ông T vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như đã cam kết. Số nợ của ông Tuất đã chuyển thành nợ quá hạn kể từ ngày 29/01/2019 và tính đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền nợ là: 8.711.585.241 đồng (Trong đó nợ gốc là 8.086.055.200 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/11/2019 là 625.530.041 đồng). Tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 625.530.041 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng ông T đã trả cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 1.900.000.000 đồng, số tiền nợ lãi là 450.000.000 đồng; hiện còn nợ gốc là 8.045.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp và còn cho rằng số tiền 700.000.000 đồng (do hỗ trợ Nhà nước cho ông T) Ngân hàng A đã trích từ tài khoản của ông T để trừ vào khoản nợ gốc và lãi của hợp đồng là không đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào theo điểm g, khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 194211899/HĐTD ngày 28/01/2016 quy định về quyền của bên A (Ngân hàng A) : *“Được quyền tự động trích tiền từ tài khoản tiền gửi của bên B mở tại bên A và các chi nhánh trong hệ thống của bên A, để nghị các tổ chức tín dụng khác trích tài khoản tiền gửi chuyển cho bên A để thu hồi nợ đến hạn, quá hạn”*. Nợ của ông Tuất thuộc trường hợp nợ xấu phải xử lý theo Nghị quyết 42/2017/QH14 về xử lý nợ xấu. Do đó, việc Ngân hàng A đã tự trích tiền trong tài khoản của ông Nguyễn Văn T có tại Ngân hàng A là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Theo sao kê chi tiết trả nợ của ông Nguyễn Văn T tại Ngân hàng thì ông T đã trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh Q-Bắc Quảng Bình tính đến ngày 21/4/2020 số tiền là: 3.922.404.693đồng, trong đó trả nợ gốc 2.170.413.142đ (trong đó: thu nợ gốc tiền bằng tiền mặt: 1.191.750.000đ, thu gốc từ tài khoản: 927.194.800đồng, thu gốc từ nguồn tính toán lại 51.468.342đồng), trả nợ lãi: 1.751.991.511đồng (trong đó: Thu lãi bằng tiền mặt 433.349.082đồng, thu lãi từ tài khoản 132.726.176đồng, thu lãi từ hỗ trợ 1.185.916.292đồng). Diễn biến trừ lãi và trừ gốc như Nguyên đơn giải trình là đúng. Như vậy, dư nợ gốc còn lại là 7.774.586.858đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của ông T và những lý do của ông đưa ra là không chính xác trong khi đó các tài liệu, chứng từ do nguyên đơn Ngân hàng AGRIBANK cung cấp trùng khớp với các tình tiết của vụ án. Phía bị đơn có đề nghị cơ cấu lại nợ và thuộc trường hợp sự cố môi trường biển theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP để giảm

lãi tuy nhiên hiện tại nợ của ông T đã là nợ xấu, hệ thống Ngân hàng A chưa có chính sách hỗ trợ đối với các trường hợp theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP trong khi bị đơn đã được bồi thường sự cố môi trường biển theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Từ [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy kháng cáo của ông Nguyễn Văn T là không có căn cứ. Vì vậy, cần giữ y án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Do kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến nay, phía Ngân hàng vẫn tiếp tục thực hiện việc thu nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 194211899/HĐTD ngày 28/01/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung tín dụng số 194211899/HĐTD/PL1 ngày 13/3/2017, trong đó có việc thu nợ tự động thông qua tài khoản của ông Nguyễn Văn T tại Ngân hàng AGRIBANK là: 360.000.000đ, thu từ nguồn tính toán lại lãi: 51.468.342đồng (tổng cộng đã thu: 411.468.342đồng, chỉ thu gốc chưa thu lãi) nên đến ngày xét xử phúc thẩm Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền còn nợ là: 8.593.999.108đồng, trong đó nợ gốc: 7.674.586.858đồng, nợ lãi: 919.412.250đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T kháng cáo không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 116, 117, 299, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A: Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng A số tiền là: 8.593.999.108 đồng, trong đó nợ gốc: 7.674.586.858đồng, nợ lãi: 919.412.250đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử phúc thẩm (03/6/2020) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T không trả được nợ thì Ngân hàng A được quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử lý tài sản thế chấp là Tàu đánh cá vỏ gỗ nghề lưới vây công suất 822 CV, số đăng ký: QB 98129 TS (Tàu cho vay theo Nghị định 67/2014/NĐ - CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 07/7/2014) theo giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

mang tên ông Nguyễn Văn T số 60149, số đăng ký: QB 98129 TS do Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Quảng Bình cấp ngày 20/7/2016 để thu hồi nợ cho Ngân hàng A theo đúng quy định pháp luật.

2. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Ngoài án phí dân sự sơ thẩm đã tuyên tại Bản án sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0002484 ngày 17/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

“Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- TAND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA thị xã Ba Đồn;
- Lưu: HS vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyển